

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1728 /QĐ - UBND

Hải Phòng, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và
Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 của Công ty TNHH
Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu
tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh
nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về
thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Văn bản số 4720/BTC-DNNN ngày 11/4/2025 của Bộ Tài chính về
giao chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 đối với các doanh nghiệp nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế
hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Một
thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo;*

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 27/TTr-STC ngày 21/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (Công ty) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong công tác thủy lợi để đáp ứng mục tiêu xây dựng nông thôn mới của huyện Vĩnh Bảo.

- Thực hiện tốt công tác quản lý điều hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo phục vụ nguồn nước có chất lượng tốt cho

sản xuất nông nghiệp; phát triển dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng, sản xuất nước sạch và các ngành kinh tế khác trên địa bàn huyện và thành phố.

- Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, quản lý vận hành công trình an toàn, chống xuống cấp công trình, tham gia tích cực, có trách nhiệm vào công tác phòng chống lụt bão, chống úng hạn và xâm nhập mặn của huyện Vĩnh Bảo, ngăn chặn tình trạng lấn chiếm hành lang, chỉ giới, phạm vi bảo vệ công trình, chống xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các hành vi xâm hại công trình.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ công ích trên cơ sở hoàn thành tốt kế hoạch tưới, tiêu hàng năm đã được ký kết với các đơn vị dùng nước, cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.

- Đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

- Phân đầu tăng doanh thu hàng năm, tăng thu ngân sách và thu nhập cho người lao động, góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách theo quy định đối với người lao động và nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu:		
1.1	Diện tích tưới tiêu cho nông nghiệp	ha	21.767,71
1.2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	ha	8.120,88
1.3	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp	triệu m ³	4,416
2	Doanh thu:	Triệu đồng	33.864
2.1	Dịch vụ công ích thủy lợi		29.720
2.2	Cấp nước thô		3.974
2.3	Doanh thu khác		170
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.520
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	675
5	Số lao động	Người	196
6	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Triệu đồng	8,1

b) Kế hoạch đầu tư phát triển

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung đầu tư	Nguồn	Kinh phí dự kiến
1	Công trình sửa chữa	Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định (TSCĐ)	21.900
		Nguồn thu của Công ty (dịch vụ công ích thủy lợi, dịch vụ thủy lợi khác)	3.160
2	Xây dựng Phương án cấm mốc chỉ giới bảo vệ công trình chưa có chỉ giới	Nguồn thu của Công ty (dịch vụ công ích thủy lợi, và dịch vụ thủy lợi khác)	100
	Tổng		25.160

(Chi tiết danh mục đầu tư các công trình tại Phụ lục kèm theo)

Công ty thực hiện việc đầu tư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; Công ty bù đắp phần kinh phí còn thiếu (nếu có) sau khi quyết toán từ nguồn hợp pháp khác đối với các công trình sử dụng nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ.

3. Các giải pháp chủ yếu**3.1. Giải pháp về tài chính****a) Hoạt động dịch vụ công ích.**

- Thúc đẩy tăng doanh thu bằng việc ổn định nguồn ngân sách cấp cho công tác miễn thu thủy lợi phí, tăng doanh thu từ dịch vụ cung cấp nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, xây dựng, sinh hoạt, đặc biệt là các nhà máy nước mini trên địa bàn huyện.

- Tiến hành ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh lý diện tích theo từng vụ đảm bảo kế hoạch. Ký kết hợp đồng cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mini, tiến hành thu đủ tiền cung cấp nước thô để đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí bằng việc ban hành các định mức, nhất là định mức tiền điện của các trạm bơm tưới, từ đó gắn với trách nhiệm của công nhân vận hành và cụm sản xuất, xây dựng cơ chế thưởng, phạt gắn với trách nhiệm quản lý công trình.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thường xuyên phân tích và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường công tác hạch toán và quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và tích lũy vốn để phát triển. *g*

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thêm công việc như tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế công trình thủy lợi nhằm tăng doanh thu theo kế hoạch đã đề ra.

3.2. Giải pháp về sản xuất

a) Hoạt động dịch vụ công ích

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình vận hành công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố công trình trước, sau mùa mưa bão và trước các vụ sản xuất; gắn trách nhiệm cá nhân trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Khai thác gắn với công tác bảo vệ, đầu tư nâng cấp công trình, làm tốt công tác quy hoạch đảm bảo tính lâu dài và đồng bộ, hệ thống tưới, tiêu được khép kín từ các công trình đầu mối đến mặt ruộng, phù hợp với từng loại cây trồng, vùng sản xuất, từng ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

- Khai thác, đẩy mạnh dịch vụ cung cấp nước thô cho các nhà máy nước mini và khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu. Trước mắt là khai thác hợp đồng cung cấp nước thô với tất cả các đơn vị dùng nước có sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sản xuất nước sạch trên địa bàn huyện.

- Thực hiện sắp xếp mô hình sản xuất đảm bảo tinh gọn, chuyên sâu về chuyên môn.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tích cực khai thác, tìm kiếm việc làm trên cơ sở phát huy tiềm năng của Công ty, nhu cầu của thị trường; mở rộng dịch vụ, ngành nghề liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

- Từng bước nâng cao năng lực thi công, thực hiện các biện pháp thi công khoa học để nâng cao năng lực và kinh nghiệm nhà thầu, chủ động tìm các công trình mới trong hoạt động xây dựng cơ bản.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong thực hiện sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, chính sách đối với người lao động.

- Đối với các cụm thủy lợi trực thuộc cần phối hợp chặt chẽ với các thôn, xã, nơi có công trình thủy lợi, để quản lý, khai thác và bảo vệ hiệu quả các công trình. Đẩy mạnh công tác cấp nước thô cho các nhà máy nước và khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu tiền nước.

- Sắp xếp hợp lý lao động dần tiến tới khoán công trình, khoán việc nhằm nâng cao trách nhiệm của người lao động, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu tăng lương tối thiểu của Nhà nước.

3.3. Giải pháp về marketing

- Tìm kiếm thị trường; xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty bằng chất lượng cung cấp các dịch vụ công ích, sản phẩm công trình do Công ty cung cấp ✓

và thực hiện.

- Tăng cường quảng bá, giới thiệu về Công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty và các kênh thông tin khác đến khách hàng và đối tác để thu hút, tìm kiếm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

3.4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực đảm bảo các yêu cầu về năng lực đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Quan tâm đến đội ngũ cán bộ nguồn kế cận, các chức danh cán bộ chủ chốt và đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành, công nhân lành nghề có năng lực, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Đổi mới và xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, khoa học, văn minh của cán bộ và người lao động, lấy hiệu quả công việc làm tiêu chí sắp xếp cán bộ.

3.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Ứng dụng các công nghệ mới, các phương pháp tưới tiêu khoa học phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng để tiết kiệm nguồn nước và chi phí tiền điện bơm nước.

- Nghiên cứu, thực hiện cải tiến kỹ thuật để vận hành công trình bằng máy móc thiết bị, hạn chế tối đa vận hành bằng thủ công, giảm tối đa sức lao động của con người.

3.6. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình thủy lợi

- Thực hiện quản lý, khai thác công trình thủy lợi, xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy Lợi và Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Tăng cường công tác quản lý điều hành, đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới tiêu, phục vụ sản xuất, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân lao động và cộng đồng ✓

dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm, lấn chiếm công trình thủy lợi theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi và đề điều trên địa bàn thành phố, Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Đồng thời báo cáo chính quyền cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm công trình thủy lợi.

- Tăng cường công tác phòng chống nhiễm mặn cửa cống, tránh rò rỉ vào đồng ruộng để đảm bảo phục vụ tốt công tác dân sinh và điều tiết nước trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

3.7. Giải pháp về quản lý, điều hành

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra thường xuyên và đột xuất nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, công nhân lao động trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm và chức năng, nhiệm vụ của Công ty, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, phân công lao động cho phù hợp với tay nghề và trình độ chuyên môn của từng cán bộ, công nhân lao động, phát huy năng lực và sở trường cá nhân của người lao động; phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh lãnh đạo, từng cá nhân, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các cụm, các đội, các công trình trong Công ty.

- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tiễn để thống nhất trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo tổ chức thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 theo đúng quy định, đảm bảo hoàn hành kế hoạch.

2. Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ

trợ, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo; kịp thời xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định những vấn đề vượt thẩm quyền.

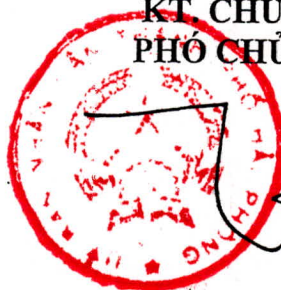
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- Các PCVP;
- Phòng: NNTN&MT, TCNS, NCKTGS;
- Lưu: VT, TL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

Phụ lục: Danh mục đầu tư công trình năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo
(Kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Hạng mục	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Chiều dài thực hiện (m)	Dự kiến kinh phí	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
I	Công trình sửa chữa từ Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ						21.900		
1	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hoà	Trạm bơm Xóm 1	Xã Vĩnh Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	240	2.835	-Tuyến 1: 20°42'05.5"N 106°25'00.9"E	-Tuyến 1: 20°42'05.9"N 106°24'52.7"E
						425		-Tuyến 2: 20°42'10.7"N 106°25'07.1"E	-Tuyến 2: 20°42'18.8"N 106°25'02.3"E
						108		-Tuyến 3: 20°42'05.5"N 106°25'07.3"E	-Tuyến 3: 20°42'05.6"N 106°25'11.0"E
		Trạm bơm An Lăng	Xã Vĩnh Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	212		20°40'30.7"N 106°26'18.9"E	20°40'25.3"N 106°26'14.4"E
		Trạm bơm Nội Tạ	Xã Vĩnh Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	628		20°41'00.1"N 106°25'50.0"E	20°41'04.0"N 106°26'09.8"E
		Trạm bơm Nhân Lễ	Xã Vĩnh Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông trong lòng mương và róc trát lại một số đoạn mương xuống cấp.	174		20°42'13.7"N 106°26'20.9"E	20°42'08.1"N 106°26'21.6"E
2	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Hùng Tiến	Trạm bơm Xuân Hùng	Xã Hùng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	163	1.853	20°41'06.5"N 106°26'29.3"E	20°41'11.7"N 106°26'28.1"E
		Trạm bơm Đồng Chiếng	Xã Hùng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	242		-Tuyến 1: 20°41'56.1"N 106°27'21.3"E	-Tuyến 1: 20°41'50.6"N 106°27'15.5"E
						255		-Tuyến 2: 20°41'55.0"N 106°27'19.8"E	-Tuyến 2: 20°41'51.4"N 106°27'24.0"E

TT	Tên công trình	Hạng mục	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Chiều dài thực hiện (m)	Dự kiến kinh phí	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
		Trạm bơm Công Tiền	Xã Hùng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	130		20°42'24.0"N 106°26'34.0"E	20°42'27.8"N 106°26'31.9"E
		Trạm bơm Cầu Sắt	Xã Hùng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	300		20°41'17.7"N 106°26'44.7"E	20°41'24.1"N 106°26'52.5"E
3	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Trung Lập	Trạm bơm Cung Chúc	Xã Trung Lập	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	293	498	20°43'04.8"N 106°28'22.2"E	20°42'56.6"N 106°28'26.7"E
4	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Thắng Thủy	Trạm bơm Đội 12	Xã Thắng Thủy	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	428	765	20°43'03.5"N 106°25'16.1"E	20°43'06.1"N 106°25'05.8"E
5	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Tam Cường	Trạm bơm Đồng Cửa	Xã Tam Cường	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	300	790	20°37'53.9"N 106°32'50.3"E	20°37'52.1"N 106°32'40.1"E
		Trạm bơm Cầu Sáu 1	Xã Tam Cường	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây lại đoạn mương đổ, róc trát lại thành mương.	430		20°37'30.0"N 106°32'04.5"E	20°37'44.0"N 106°32'05.4"E
6	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hải	Trạm bơm Thanh Khê	Xã Vĩnh Hải	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	218	1.795	20°38'27.4"N 106°29'17.3"E	20°38'32.4"N 106°29'11.9"E
		Trạm bơm Cô Tinh	Xã Vĩnh Hải	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	375		20°39'16.0"N 106°28'36.0"E	20°39'18.4"N 106°28'44.8"E
		Trạm bơm Lương Trạch	Xã Vĩnh Hải	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	195		20°38'36.7"N 106°29'07.0"E	20°38'32.4"N 106°29'11.9"E
						148		20°38'44.6"N 106°28'56.4"E	20°38'42.1"N 106°29'00.8"E

TT	Tên công trình	Hạng mục	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Chiều dài thực hiện (m)	Dự kiến kinh phí	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
		Trạm bơm Bến Vọng	Xã Vĩnh Hải	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lề.	118		20°39'10.2"N 106°27'33.1"E	20°39'07.3"N 106°27'30.5"E
7	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hưng	Trạm bơm Con Tôm	Xã Vĩnh Hưng	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lề.	250	1.615	- Tuyến 1: 20°40'24.1"N 106°29'51.3"E	- Tuyến 1: 20°40'24.9"N 106°29'42.7"E
						23		- Tuyến 2: 20°40'24.7"N 106°29'51.3"E	- Tuyến 2: 20°40'24.1"N 106°29'51.0"E
		Trạm bơm Thượng Điện	Xã Vĩnh Hưng	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lề.	330		20°39'49.8"N 106°29'10.8"E	20°39'52.4"N 106°28'59.8"E
		Trạm bơm Cầu Trại	Xã Vĩnh Hưng	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lề.	358		20°40'00.7"N 106°29'30.8"E	20°39'58.0"N 106°29'42.8"E
8	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Dũng Tiến	Trạm bơm Đồng Quan	Xã Dũng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lề.	254	2.810	20°44'13.6"N 106°29'21.3"E	20°44'11.2"N 106°29'13.1"E
		Trạm bơm An Bò	Xã Dũng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Đổ bê tông trong lòng mương và róc trát lại một số đoạn mương xuống cấp.	655		- Tuyến 1: 20°44'41.5"N 106°28'56.0"E	- Tuyến 1: 20°44'51.8"N 106°29'07.0"E
					Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lề.	343		- Tuyến 2: 20°44'42.4"N 106°28'33.1"E	- Tuyến 2: 20°44'53.4"N 106°28'30.9"E
		Trạm bơm Đồng Ngừ	Xã Dũng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lề.	535		20°43'48.9"N 106°28'04.0"E	20°44'04.4"N 106°27'55.8"E

TT	Tên công trình	Hạng mục	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Chiều dài thực hiện (m)	Dự kiến kinh phí	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
		Trạm bơm Cự Lai	Xã Dũng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	363		20°43'58.1"N 106°28'27.7"E	20°43'52.4"N 106°28'16.7"E
9	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Liên Am	Trạm bơm Kim Bích	Xã Liên Am	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	445	2.625	20°39'37.2"N 106°31'10.8"E	20°39'46.0"N 106°31'16.1"E
		Trạm bơm Liêm Khê	Xã Liên Am	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	158		- Tuyến 1: 20°38'51.4"N 106°31'35.3"E	- Tuyến 1: 20°38'46.3"N 106°31'35.1"E
						237		- Tuyến 2: 20°38'51.5"N 106°31'31.5"E	- Tuyến 2: 20°38'51.6"N 106°31'23.3"E
						134		- Tuyến 3: 20°39'04.1"N 106°31'35.5"E	- Tuyến 3: 20°39'08.5"N 106°31'35.4"E
		Trạm bơm Đông Tô	Xã Liên Am	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	562		20°39'14.0"N 106°31'07.4"E	20°39'11.9"N 106°31'22.6"E
10	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Tân Liên	Trạm bơm Xi Phong	Xã Tân Liên	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	149	254	20°42'08.4"N 106°30'32.0"E	20°42'03.6"N 106°30'32.3"E
11	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Cao Minh	Trạm bơm Tây Thôn	Xã Cao Minh	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông trong lòng mương và róc trát lại một số đoạn mương xuống cấp.	196	254	20°38'13.3"N 106°31'27.1"E	20°38'11.7"N 106°31'33.3"E
12	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Lý Học	Trạm bơm Lục Bái	Xã Lý Học	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	130	1.651	20°38'32.3"N 106°32'05.4"E	20°38'30.8"N 106°32'09.5"E

TT	Tên công trình	Hạng mục	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Chiều dài thực hiện (m)	Dự kiến kinh phí	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
		Trạm bơm Thủy Tinh	Xã Lý Học	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	196		- Tuyến 1: 20°38'53.8"N 106°31'46.1"E	- Tuyến 1: 20°38'59.7"N 106°31'46.9"E
						95		- Tuyến 2: 20°38'53.8"N 106°31'46.1"E	- Tuyến 2: 20°38'53.9"N 106°31'42.8"E
		Trạm bơm Tây Lý Am 1	Xã Lý Học	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	272		- Tuyến 1: 20°39'29.2"N 106°31'34.9"E	- Tuyến 1: 20°39'22.6"N 106°31'37.5"E
						92		- Tuyến 2: 20°39'30.7"N 106°31'34.9"E	- Tuyến 2: 20°39'33.7"N 106°31'34.8"E
13	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Việt Tiến	Trạm bơm Tầm Thượng 2	Xã Việt Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	344	1.340	20°42'29.4"N 106°28'45.9"E	20°42'23.7"N 106°28'40.9"E
		Trạm bơm Viên Lang 3	Xã Việt Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Đổ bê tông đáy mương, xây thành mương, trát tường mương, bổ sung đất đắp lè.	546		20°43'50.1"N 106°29'11.8"E	20°43'52.7"N 106°29'30.5"E
14	Thay 6 cánh sắt cổng xả trạm Thượng Đồng cũ		Xã Vĩnh Hoà	Cánh sắt qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng, không đảm bảo an toàn	Thay thế cánh sắt		495	20°39'41.5"N 106°26'22.7"E	
15	Thay cột, cánh sắt: Đập Chùa Nhất, đập Bà Cột, Đập Bà Canh, đập Ông Giám, đập Đình Chanh 1		Xã Vĩnh Hưng, Xã Trần Dương, Xã Hoà Bình	Cột, cánh sắt qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng, không đảm bảo an toàn	Thay thế cột, cánh sắt		465	20°38'23.2"N 106°34'57.7"E 20°38'25.1"N 106°34'40.7"E 20°39'43.2"N 106°34'21.0"E 20°40'06.9"N 106°32'59.4"E	

TT	Tên công trình	Hạng mục	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Chiều dài thực hiện (m)	Dự kiến kinh phí	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
								20°39'57.9"N 106°30'36.3"E	
16	Sửa chữa tường bao, công trình phụ trợ công Ba Đồng 2		Xã Trung Lập	Tường bao xuống cấp bị đổ, công trình phụ trợ xuống cấp không đảm bảo an toàn cho công tác trông coi bảo vệ và sinh hoạt	Cần sửa chữa tường bao, mái chống nóng, công trình phụ trợ		425	20°43'26.37"N 106°27'56.54"E	
17	Sửa chữa trạm bơm Ngải Đông		Xã Trần Dương	Mái nhà bê tông bị nổ, gỉ sắt, tường xuống cấp, nền nhà hỏng,...	Cần sửa chữa lại nhà trạm bơm, đảm bảo an toàn cho công tác vận hành và trực		250	20°38'27.4"N 106°33'59.6"E	
18	Thay cột, cánh sắt đập Phần Thượng, đập Lá Cờ		Xã Tiên Phong	Cột, cánh sắt qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng, không đảm bảo an toàn	Thay thế cột, cánh sắt		440	20°37'30.17"N 106°28'24.91"E 20°38'10.69"N 106°29'1.39"E	
19	Thay cột, cánh sắt cổng Lý Am, cổng An Biên, đập Đồng Tràng		Xã Lý Học, xã Vĩnh Hải, xã Vĩnh An	Cột, cánh sắt qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng, không đảm bảo an toàn	Thay thế cột, cánh sắt		360	20°39'47.19"N 106°31'33.94"E 20°39'15.30"N 106°26'53.93"E 20°42'46.8"N 106°29'40.8"E	
20	Thay cột, cánh sắt cổng Hoà Bình mới, cổng Đông Am 1		Xã Hoà Bình, xã Tam Cường	Cột, cánh sắt qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng, không đảm bảo an toàn	Thay thế cột, cánh sắt		380	20°40'33.82"N 106°33'57.53"E 20°36'41.19"N 106°32'4.73"E	
II	Công trình sửa chữa từ Nguồn dịch vụ công ích thủy lợi; dịch vụ thủy lợi khác						3.160		
1	Nạo vét kênh hút trạm bơm Hoàn Lộ		xã Vĩnh Hải	Đáy kênh bị nông đáy	Nạo vét đất đáy kênh	215	54	20°38'57.9"N 106°28'16.6"E	20°38'52.6"N 106°28'11.8"E

TT	Tên công trình	Hạng mục	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Chiều dài thực hiện (m)	Dự kiến kinh phí	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
2	Nạo vét kênh Cống Hiền		xã Tiên Phong	Đáy kênh bị nông đầy	Nạo vét đất đáy kênh	1.430	357	20°37'00.5"N 106°30'03.3"E	20°37'43.6"N 106°30'21.7"E
3	Nạo vét kênh 3 xã		xã Tam Cường	Đáy kênh bị nông đầy	Nạo vét đất đáy kênh	2.823	490	20°40'19.9"N 106°32'53.5"E	20°38'52.7"N 106°32'43.3"E
4	Nạo vét kênh sau cống Tiên Am 1		xã Lý Học	Đáy kênh bị nông đầy	Nạo vét đất đáy kênh	1.580	395	20°40'02.4"N 106°32'33.2"E	20°39'35.6"N 106°32'21.8"E
5	Nạo vét kênh hút trạm bơm Đồng Xanh 2		xã Vĩnh An	Đáy kênh bị nông đầy	Nạo vét đất đáy kênh	107	27	20°42'45.9"N 106°29'58.0"E	20°42'42.4"N 106°29'59.1"E
6	Nạo vét kênh hút trạm bơm An Bò		xã Dũng Tiến	Đáy kênh bị nông đầy	Nạo vét đất đáy kênh	595	148	20°44'41.6"N 106°28'56.3"E	20°44'23.0"N 106°29'03.2"E
7	Nạo vét kênh sau cống Chiêu Rồi		xã Dũng Tiến	Đáy kênh bị nông đầy	Nạo vét đất đáy kênh	1.260	315	20°44'23.8"N 106°27'43.5"E	20°43'48.2"N 106°28'04.0"E
8	Thay cánh cửa nhà hội trường Công ty		Thị trấn	Cánh cửa hội trường, tường phòng bảo vệ bị mọt, hỏng	Thay cánh cửa gỗ đã hỏng		195	20°41'06.9"N 106°28'49.8"E	
9	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm Đình Mễ		Xã Vĩnh Hưng	Bị rò rỉ nước ở đáy và thành, thành mương bị nghiêng và đổ, đất đắp lè không còn.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.	152	281	20°39'46.2"N 106°28'56.6"E	20°39'47.2"N 106°28'51.4"E
10	Sửa chữa cống, đập, trạm bơm và các công trình đột xuất khác		Huyện Vĩnh Bảo	Máy đóng mở, máy bơm cũ, kênh hút, kênh dẫn sau trạm bơm điện, đã xuống cấp.	Sửa chữa cấp bách để kịp thời phục vụ sản xuất.		898		
	Tổng cộng I + II						25.060		